BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Phan Hoàng Minh	Anh	Nữ	21.11.1998	Hà Nội		
2	B00002	Trần Đức	Anh	Nam	12.04.2004	Hà Nội		
3	B00003	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	20.10.2002	Thanh Hóa		
4	B00004	Trần Đức	Anh	Nam	10.09.2002	Hà Nam		
5	B00005	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	28.09.1999	Hà Tây		
6	B00006	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	16.10.1994	Hà Nội		
7	B00007	Phạm Thảo	Anh	Nữ	04.12.2003	Thái Nguyên		
8	B00008	Đinh Hoàng	Anh	Nam	15.02.2002	Ninh Bình		
9	B00009	Lương Phương	Anh	Nữ	28.07.2003	Hưng Yên		
10	B00010	Ngô Thuỳ	Anh	Nữ	28.11.2003	Hà Nội		
11	B00011	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	04.06.2003	Bắc Ninh		
12	B00012	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	06.05.1997	Hà Nội		
13	B00013	Phạm Huyền	Anh	Nữ	22.06.2003	Quảng Ninh		
14	B00014	Hoàng Thị Kiều	Anh	Nữ	29.09.1999	Quảng Ninh		
15	B00015	Trần Thị Hồng	Ánh	Nữ	26.10.2004	Nghệ An		
16	B00016	Nguyễn Hữu	Bảo	Nam	12.01.2004	Nghệ An		
17	B00017	Lê Ngọc	Cẩm	Nữ	14.01.2001	Hà Tĩnh		
18	B00018	Nguyễn Văn Bảo	Chấn	Nam	15.08.2001	Ninh Bình		
19	B00019	Ngô Thị	Chi	Nữ	22.11.2003	Hà Nội		
20	B00020	Nguyễn Đỗ Tùng	Chi	Nữ	03.05.2003	Hải Dương		
21	B00021	Thành Kim	Chi	Nữ	13.10.2000	Hà Nội		
22	B00022	Phạm Linh	Chi	Nữ	21.12.2002	Hưng Yên		
23	B00023	Bùi Thị Quỳnh	Chi	Nữ	09.09.2002	Ninh Bình		
24	B00024	Quan Thị Thanh	Chúc	Nữ	26.10.2003	Tuyên Quang		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00025	Nguyễn Thành	Công	Nam	21.10.2003	Hà Nam		
2	B00026	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	06.09.1992	Vĩnh Phúc		
3	B00027	Nguyễn Thị Linh	Đan	Nữ	13.10.2003	Quảng Ninh		
4	B00028	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	30.01.1990	Hà Nội		
5	B00029	Vũ Xuân	Điệp	Nam	12.09.2002	Tuyên Quang		
6	B00030	Mai Xuân	Đô	Nam	26.07.2003	Điện Biên		
7	B00031	Phạm Thành	Đông	Nam	19.05.2002	Thanh Hóa		
8	B00032	Phạm Văn	Đông	Nam	13.06.1986	Vĩnh Phúc		
9	B00033	Trần Gia	Đức	Nam	25.03.2002	Ninh Bình		
10	B00034	Nguyễn Minh	Đức	Nam	28.12.2002	Hà Nội		
11	B00035	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	24.06.2002	Phú Thọ		
12	B00036	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	26.10.1989	Phú Thọ		
13	B00037	Nguyễn Danh Tấn	Dũng	Nam	21.02.2002	Hà Tây		
14	B00038	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	22.06.1999	Thái Bình		
15	B00039	Nguyễn Phú	Dũng	Nam	19.08.2003	Hòa Bình		
16	B00040	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	09.02.2001	Hài Dương		
17	B00041	Bùi Triệu	Dương	Nam	28.10.1997	Thanh Hóa		
18	B00042	Nguyễn Minh	Dương	Nam	30.08.1988	Lào Cai		
19	B00043	Nguyễn Đặng Thùy	Dương	Nữ	26.04.1994	Phú Thọ		
20	B00044	Đặng Văn	Dương	Nam	27.10.2002	Cao Bằng		
21	B00045	Bùi Thị Thuỳ	Dương	Nữ	20.03.2003	Hoà Bình		
22	B00046	Nguyễn Thị Bạch	Dương	Nữ	15.05.2003	Nghệ An		
23	B00047	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	24.04.2006	Hà Nội		
24	B00048	Đinh Thị Hà	Giang	Nữ	15.09.1986	Phú Thọ		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00049	Phan Hải	Giang	Nữ	23.12.2002	Hải Phòng		
2	B00050	Sử Thị Hồng	Giang	Nữ	28.03.2003	Hà Tĩnh		
3	B00051	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	26.02.2002	Hà Tĩnh		
4	B00052	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	02.07.1996	Hà Nội		
5	B00053	Phạm Hoàng	Hà	Nam	11.12.2000	Hòa Bình		
6	B00054	Trần Thu	Hà	Nữ	26.04.1999	Hải Dương		
7	B00055	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22.06.2003	Hà Tây		
8	B00056	Bùi Quang	Hải	Nam	19.01.2003	Hà Nội		
9	B00057	Bùi Phúc	Hải	Nam	15.11.2002	Thái Bình		
10	B00058	Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	10.01.2000	Hà Nội		
11	B00059	Quyền Thị Thu	Hằng	Nữ	25.03.1999	Phú Thọ		
12	B00060	Lê Minh	Hảo	Nữ	15.09.2003	Hà Tây		
13	B00061	Đặng Thị	Hiền	Nữ	02.08.1995	Bắc Ninh		
14	B00062	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06.02.2002	Nam Định		
15	B00063	Bùi Duy	Hiệp	Nam	06.06.1999	Thái Bình		
16	B00064	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	13.02.2002	Nam Định		
17	B00065	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22.08.1980	Thái Bình		
18	B00066	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	25.05.2003	Bắc Giang		
19	B00067	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	18.04.2003	Hà Nội		
20	B00068	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08.02.1993	Hà Nội		
21	B00069	Bùi Thị Thu	Hồng	Nữ	28.07.2003	Hòa Bình		
22	B00070	Nghiêm Trần Hải	Huế	Nữ	29.09.2004	Hà Nội		
23	B00071	Hà Thị	Huệ	Nữ	06.08.1993	Phú Thọ		
24	B00072	Lưu Quốc	Hùng	Nam	22.01.1998	Ninh Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00073	Nguyễn Trương	Hùng	Nam	10.12.2004	Nghệ An		
2	B00074	Ngô Đức	Hưng	Nam	27.09.2003	Thái Nguyên		
3	B00075	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	10.12.2000	Hòa Bình		
4	B00076	Phạm Thu	Hương	Nữ	10.04.1996	Hải Dương		
5	B00077	Đào Thị Minh	Hương	Nữ	30.05.2003	Hải Phòng		
6	B00078	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	12.07.2003	Hòa Bình		
7	B00079	Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	21.11.1997			
8	B00080	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	27.02.2003	Bắc Ninh		
9	B00081	Dương Huy	Huy	Nam	26.09.2001	Hà Nội		
10	B00082	Nguyễn Viết	Huy	Nam	27.11.2004	Quảng Ninh		
11	B00083	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19.09.1987	Hà Nội		
12	B00084	Tạ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05.02.2003	Phú Thọ		
13	B00085	Bùi Ánh	Huyền	Nữ	19.12.2003	Hưng Yên		
14	B00086	Bùi Thị Thanh	Huyền	Nữ	23.07.2003	Hòa Bình		
15	B00087	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05.03.1990	Hà Tĩnh		
16	B00088	Đinh Hoàng	Kiên	Nam	01.01.2004	Lào Cai		
17	B00089	Trần Thị	Kiều	Nữ	25.03.2002	Nam Định		
18	B00090	Vàng Đức	Kim	Nam	29.09.2002	Hà Giang		
19	B00091	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	11.03.2002	Hà Nội		
20	B00092	Nghiêm Thị Thùy	Linh	Nữ	03.06.1998	Hà Tây		
21	B00093	Phạm Duy	Linh	Nam	08.09.1999	Hà Nội		
22	B00094	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	15.12.2003	Yên Bái		
23	B00095	Lại Thùy	Linh	Nữ	09.09.2002	Hà Nam		
24	B00096	Trương Nhật	Linh	Nữ	18.09.2001	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00097	Thẩm Diệu	Linh	Nữ	22.07.2003	Lạng Sơn		
2	B00098	Trịnh Thị Ngọc	Linh	Nữ	24.04.2001	Thanh Hóa		
3	B00099	Lê Mai	Linh	Nữ	19.01.2004	Ninh Bình		
4	B00100	Hoàng Hải	Linh	Nữ	17.09.2003	Hà Nội		
5	B00101	Trần Thị Hà	Linh	Nữ	12.12.2003	Hải Phòng		
6	B00102	Hủn Công	Linh	Nam	21.11.2003	Nghệ An		
7	B00103	Lương Phương	Linh	Nữ	22.12.2003	Lạng Sơn		
8	B00104	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	13.08.2003	Phú Thọ		
9	B00105	Lê Ngọc	Linh	Nữ	15.11.1998	Hà Nam		
10	B00106	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	12.03.1992	Cao Bằng		
11	B00107	Phạm Bích	Loan	Nữ	23.03.2002	Nam Định		
12	B00108	Vũ Thị	Loan	Nữ	20.02.1978	Hà Tây		
13	B00109	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	20.09.1989	Hòa Bình		
14	B00110	Phạm Thị	Luyên	Nữ	05.02.1993	Ninh Bình		
15	B00111	Vũ Thị	Luyến	Nữ	12.08.1997	Hà Tây		
16	B00112	Phùng Thị Thanh	Ly	Nữ	27.08.1997	Hải Dương		
17	B00113	Dương Khánh	Ly	Nữ	22.12.2002	Hà Nội		
18	B00114	Dương Tuấn	Mạnh	Nam	13.12.2001	Ninh Bình		
19	B00115	Hoàng Thị	Mến	Nữ	29.01.2005	Cao Bằng		
20	B00116	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	24.07.1997	Hà Nội		
21	B00117	Hà Quang	Minh	Nam	15.02.1999	Vĩnh Phúc		
22	B00118	Lê Hoàng	Minh	Nam	26.11.1996	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00119	Đỗ Thị Sim	My	Nữ	25.03.2002	Thanh Hoá		
2	B00120	Nguyễn Trà	My	Nữ	09.03.2002	Hà Nội		
3	B00121	Đinh Thị Thúy	Nga	Nữ	17.06.1999	Phú Thọ		
4	B00122	Bạc Thị	Nga	Nữ	07.02.2002	Lai Châu		
5	B00123	Vũ Thị Thúy	Nga	Nữ	01.06.1991	Hưng Yên		
6	B00124	Quách Quỳnh	Nga	Nữ	06.06.1999	Hải Dương		
7	B00125	Đỗ Thanh	Nghị	Nam	15.11.2001	Hải Dương		
8	B00126	Nguyễn Xuân Hoàn	Ngọc	Nữ	18.05.2003	Hải Phòng		
9	B00127	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	Nữ	10.12.2004	Ninh Bình		
10	B00128	Trần Phương	Ngọc	Nữ	22.07.2003	Yên Bái		
11	B00129	Đỗ Bảo	Ngọc	Nữ	05.12.2003	Thái Nguyên		
12	B00130	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	14.04.2000	Hòa Bình		
13	B00131	Trương Thị	Nguyêt	Nữ	08.04.2003	Nghệ An		
14	B00132	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	14.05.1998	Hưng Yên		
15	B00133	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	14.01.2001	Hà Tây		
16	B00134	Phạm Thị	Nhung	Nữ	02.11.2002	Phú Thọ		
17	B00135	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
18	B00136	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	08.02.2002	Nam Định		
19	B00137	Đinh Thị	Nụ	Nữ	28.10.1981	Quảng Ninh		
20	B00138	Ngô Thị Ngọc	Oanh	Nữ	15.02.2003	Bắc Ninh		
21	B00139	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26.04.2001	Thái Bình		
22	B00140	Trần Thị	Phương	Nữ	20.10.1985	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00141	Nguyễn Nghiêm	Phương	Nam	03.06.1998	Hà Nội		
2	B00142	Đào Minh	Phương	Nữ	01.12.2004	Hà Nội		
3	B00143	Lục Thị	Phương	Nữ	29.09.2004	Lào Cai		
4	B00144	Vũ Thu	Phương	Nữ	24.10.2003	Ninh Bình		
5	B00145	Kiều Vũ Hồng	Phượng	Nữ	03.06.2002	Ninh Bình		
6	B00146	Hoàng Anh	Quân	Nam	04.01.2003	Quảng Ninh		
7	B00147	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	01.02.2002	Hà Nội		
8	B00148	Trần Thị Lệ	Quyên	Nữ	25.04.2003	Thanh Hóa		
9	B00149	Lê Ngọc	Quyết	Nam	15.10.2002	Thanh Hóa		
10	B00150	Nguyễn Thế	Quyết	Nam	14.02.1999	Nghệ An		
11	B00151	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	01.02.2003	Vĩnh Phúc		
12	B00152	Hoàng Văn	Quỳnh	Nam	25.11.2002	Hà Tây		
13	B00153	Đỗ Thúy	Quỳnh	Nữ	20.06.2003	Ninh Bình		
14	B00154	Dương Thị	Quỳnh	Nữ	11.09.2003	Bắc Giang		
15	B00155	Lê Vũ	Quỳnh	Nữ	23.11.2002	Nghệ An		
16	B00156	Bùi Thanh	Tâm	Nữ	14.10.2003	Phú Thọ		
17	B00157	Ma Thị Mỹ	Tâm	Nữ	07.10.2003	Tuyên Quang		
18	B00158	Lê Mỹ	Tâm	Nữ	01.03.2004	Lào Cai		
19	B00159	Vừ Thị	Táu	Nữ	10.04.2004	Điện Biên		
20	B00160	Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	31.10.2003	Bắc Giang		
21	B00161	Hoàng Minh	Thắng	Nam	16.05.2003	Bắc Kạn		
22	B00162	Cà Thị	Thanh	Nữ	19.12.2003	Sơn La		
23	B00163	Nguyễn Bá Tiến	Thành	Nam	27.12.2001	Sơn La		
24	B00164	Phạm Bùi Phương	Thảo	Nữ	11.04.1999	Bắc Giang		
25	B00207	Lại Thị Vân	Anh	Nữ	28.03.2003	Thái Bình		
26	B00208	Phùng Văn	Chinh	Nam	31.07.2005	Hà Tây		
27	B00209	Phạm Văn	Đạt	Nam	19.02.2003	Thanh Hóa		
28	B00210	Phan Thị Hồng	Diệu	Nữ	05.03.2003	Nghệ An		

Số thí sinh theo danh sách: 28

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 08 (606 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00165	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26.03.2002	Bắc Ninh		
2	B00166	Trần Phương	Thảo	Nữ	25.10.1995	Lào Cai		
3	B00167	Đặng Phương	Thảo	Nữ	01.02.2004	Phú Thọ		
4	B00168	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	25.11.2003	Quảng Ninh		
5	B00169	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20.01.2004	Nghệ An		
6	B00170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03.06.2003	Nam Định		
7	B00171	Phạm Thị Lan	Thơm	Nữ	13.01.1997	Hà Tây		
8	B00172	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	23.10.2003	Hà Nội		
9	B00173	Trần Thị Hoài	Thư	Nữ	28.05.2003	Hà Tĩnh		
10	B00174	Bùi Anh	Thư	Nữ	09.07.2004	Thanh Hóa		
11	B00175	Phạm Văn	Thuận	Nam	30.11.1983	Thái Nguyên		
12	B00176	Phạm Khắc	Thức	Nam	30.01.2001	Bắc Ninh		
13	B00177	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	04.02.2003	Hà Tĩnh		
14	B00178	Nguyễn Minh	Thuý	Nữ	10.02.2001	Nghệ An		
15	B00179	Hà Thị Phương	Thuỳ	Nữ	14.01.2003	Tuyên Quang		
16	B00180	Phạm Thị Thanh	Thuỷ	Nữ	02.09.1997	Quảng Ninh		
17	B00181	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	05.02.1998	Thái Bình		
18	B00182	Bùi Việt	Thùy	Nữ	06.10.1999	Hải Phòng		
19	B00183	Hoàng Phương	Thủy	Nữ	28.07.2002	Thanh Hóa		
20	B00184	Trương Thu	Thủy	Nữ	12.06.2003	Thanh Hóa		
21	B00185	Nguyễn Ngọc	Thuyết	Nữ	31.07.1992	Hà Nội		
22	B00186	Nguyễn Thị	Tĩnh	Nữ	20.09.1987	Hưng Yên		
23	B00211	Nguyễn Tâm	Du	Nữ	14.03.2002	Hà Nội		
24	B00212	Quách Thị Thanh	Dung	Nữ	26.09.1990	Vĩnh Phúc		
25	B00213	Trần Hương	Giang	Nữ	14.01.2003	Hà Nội		
26	B00214	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03.01.1999	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 09 (608 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 10/08/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00187	Giàng Seo	Toả	Nam	10.10.2003	Lào Cai		
2	B00188	Linh Thị Thu	Trà	Nữ	17.06.2003	Lạng Sơn		
3	B00189	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	15.01.2003	Hà Nội		
4	B00190	Trịnh Thị	Trang	Nữ	14.11.2002	Thanh Hóa		
5	B00191	Hoàng Huyền	Trang	Nữ	19.05.2003	Thanh Hóa		
6	B00192	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	07.06.2003	Hà Tây		
7	B00193	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	10.11.1999	Hải Phòng		
8	B00194	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	09.12.2003	Ninh Bình		
9	B00195	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03.10.2003	Ninh Bình		
10	B00196	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	03.10.2002	Hà Nội		
11	B00197	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11.06.1999	Hà Nam		
12	B00198	Đặng Minh	Trang	Nữ	29.06.2003	Hà Đông		
13	B00199	Bùi Viết	Trọng	Nam	14.09.2001	Lâm Đồng		
14	B00200	Phạm Duy	Trường	Nam	11.03.2003	Hà Nội		
15	B00201	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	08.06.2001	Nghệ An		
16	B00202	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	03.02.1995	Hà Nam		
17	B00203	Dương Thị	Tuyết	Nữ	01.10.2003	Bắc Giang		
18	B00204	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	Nữ	22.10.2003	Nam Định		
19	B00205	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	21.11.2001	Thanh Hóa		
20	B00206	Cấn Thị	Xuân	Nữ	25.02.2002	Hà Nội		
21	B00215	Đinh Việt	Hoàng	Nam	10.10.2002	Quảng Ninh		
22	B00216	Lê Thị	Hương	Nữ	16.06.2003	Thanh Hóa		
23	B00217	Phạm Ánh	Ngọc	Nữ	01.01.2004	Hà Tây		
24	B00218	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
25	B00219	Trần Anh	Sơn	Nam	10.10.1988	Nghệ An		
26	B00220	Trần Trường	Sơn	Nam	10.10.2003	Nam Định		
27	B00221	Lê Thị Mỹ	Tâm	Nữ	10.02.2002	Thanh Hoá		
28	B00222	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	07.03.2002	Bắc Ninh		
29	B00223	Hà Đức	Việt	Nam	27.01.1997	Tuyên Quang		
30	B00224	Lê Ngọc	Tùng	Nam	18.06.2001	Ninh Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)